TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 -01 -2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trõm - Thư ký Tũa ỏn nhõn dõn thành phố Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn***: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 873/2024/TLST- HNGĐ ngày 14.10.2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Lệ D, sinh năm 1992

Địa chỉ : Khu phố C, thị trấn C, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn : Anh Phan Minh S, sinh năm 1990

Địa chỉ : thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh B.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29.8.2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Huỳnh Thị Lệ D trình bày:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 03 tháng, sau đó đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh B vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6.2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh S thường xuyên chửi mắng, xúc phạm vợ con, nghi ngờ vợ và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6.2024 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, chị xin ly hôn anh S.

+ *Quan hệ con chung*: Anh chị có 01 con chung cháu Phạm Minh N, sinh ngày 11.6.2016, sức khoẻ cháu bình thường; ly hôn chị xin nuôi cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Phan Minh S trình bày:*

+ *Quan hệ hôn nhân*: Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 03 tháng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh B vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6.2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6.2024 đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

+ *Quan hệ con chung*: Anh chị có 01 con chung cháu Phạm Minh N, sinh ngày 11.6.2016, sức khoẻ cháu bình thường; ly hôn giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng.

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D với anh S; về nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung.

Án phí chị D phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tũa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng:*

Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai không được của anh S, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho anh S nhưng anh Sơn đều không đến Tòa làm việc. Sau khi nhận quyết định xét xử anh S mới đến Toà khai báo và có đơn xin xin xét xử vắng mặt. Bên cạnh đó, chị D cũng có

đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 BLTTDS Toà án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D xin ly hôn anh S, còn anh S cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa hoà giải và tham gia xét xử.

Tòa xét:

Tại bản khai chị D và anh S đều thống nhất thuận tình ly hôn; đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận.

[3] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 1 con chung cháu Phạm Minh N, sinh ngày 11.6.2016, sức khoẻ cháu bình thường;

Tòa xét:

Chị D hiện đang nuôi cháu N, tại bản khai anh S cũng đồng ý giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: chị D không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 BLTTDS

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Lệ D ly hôn anh Phan Minh S.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Huỳnh Thị Lệ D và anh Phan Minh S thống nhất có 1 con chung cháu

Phạm Minh N, sinh ngày 11.6.2016, sức khoẻ cháu bình thường;

- *Về nuụi con*: Chị Huỳnh Thị Lệ D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Minh N, sinh ngày 11.6.2016;

- *Về cấp dưỡng nươi con*: Tạm hoãn cấp dưỡng nươi con cho anh Phan Minh Sơn.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Huỳnh Thị Lệ D phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000543 ngày 14.10.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh phố Quy Nhơn. Chị D đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính tứ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Quy Nhơn
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Trần Đông Thiên